

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN VẬT LIỆU

1. DANH TÍNH CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

TÊN SẢN PHẨM : AP SUPER EXTRA 8888 SM

CẤP ĐỘ NHỚT SAE: 10W-40

CÔNG DỤNG : Dầu động cơ xăng.

HẠN CHẾ SỬ DỤNG : Sản phẩm không được khuyến nghị sử dụng cho mục đích khác nếu không được sự khuyến nghị của chuyên gia.

DANH TÍNH CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN AP SAIGON PETRO

Lầu 1, 6B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38224848 Fax: (028) 38243959

E-mail: info@apsaigonpetro.com.vn

ĐƯỜNG DÂY NÓNG : 1900 0104 (Hỗ trợ kỹ thuật)
114 (Cứu hỏa)
115 (Cứu thương)

2. THÀNH PHẦN GÂY HẠI

PHÂN LOẠI NGUY HẠI: Ăn mòn/ kích ứng da loại 3.
Nhạy cảm da loại 1.

TỪ CẢNH BÁO: Cảnh báo.

TUYÊN BỐ GÂY HẠI: H316: Gây kích ứng da nhẹ.
H317: Có thể gây gây ra phản ứng dị ứng cho da.



HÌNH CẢNH BÁO:

BÁO CÁO PHÒNG NGỪA:

Phòng ngừa: P261: Tránh hít phải bụi/ khói/ khí/ sương mù/ hơi/ phun.

P264: Rửa sạch da sau khi tiếp xúc với sản phẩm.

P272: Trang phục làm việc bị bẩn không được phép để ngoài nơi làm việc.

P280: Mang gang tay bảo vệ.

Phản hồi: P302 + P352: NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa nhiều với nước.

P333 + P313: Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Nhận tư vấn/ chăm sóc y tế.

P362 + P364: Cởi bỏ trang phục bị bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Thải bỏ: P501: Thải bỏ dầu/ vật chứa đến nhà máy xử lý đã được phê duyệt.

CÁC NGUY HẠI KHÁC: Không có mối nguy hiểm nào khác được xác định theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

TÊN HÓA HỌC VÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA: Dầu khoáng xử lý sâu và phụ gia.

THÀNH PHẦN GÂY HẠI: Sản phẩm có chứa các thành phần hoặc hợp chất gây nguy hiểm.

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ %w/w	Phân loại
Dầu khoáng tinh luyện cao	64742-65-0	<2.0	Asp. Tox. 1; H304
Phức hợp kim loại chứa chuỗi alkyl thio carbamide	Độc quyền	<1.0	Skin Sens. Cat 1; H317 Skin Corr. /Skin Irrit. Cat 2; H315
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis(sec-Bu and isoocetyl) esters, zinc salts	113706-15-3	<1.0	Skin Corr. /Skin Irrit. Cat 2; H315 Eye Dam. /Eye Irrit. Cat 1; H318 Aquatic Chronic Cat 2; H411

4. PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU BAN ĐẦU

SỰ HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí và để nghỉ ngơi ở nơi dễ thở. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.

TIẾP XÚC DA: Cởi bỏ ngay quần áo bị dính bẩn. Rửa sạch vùng da với nước. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

TIẾP XÚC MẮT: Rửa mặt thật nhanh bằng nước trong vài phút dưới vòi nước chảy. Tháo bỏ kính áp tròng (nếu có). Tiếp tục rửa mắt.

SỰ NUỐT PHẢI: Súc miệng. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu nạn nhân cảm thấy bất ổn.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY :

- Thích hợp : Tia nước, bọt, hóa chất khô hoặc cacbon đioxit.
- Không thích hợp : Không sử dụng súng phun nước, vòi phun nước.

CHỮA CHÁY :

- **Hướng dẫn chữa cháy:** Sử dụng nước làm loãng, ngăn chặn kiểm soát không cho lửa bùng phát trở lại. Người làm công tác chữa cháy cần trang bị đầy đủ thiết bị bảo vệ và phải có thiết bị trợ thở đặc biệt.
- **Sản phẩm đốt cháy nguy hiểm:** khói, aldehydes, oxit cacbon, oxit lưu huỳnh, oxit nito, oxit kim loại, hydro sulfur, oxit photpho, sản phẩm đốt cháy không hoàn toàn.

6. BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ RỦI RO

Trong trường hợp xảy ra sự cố gây tràn, thông báo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ :

- Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ, tràn ra ngoài.
- Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
- Các biện pháp bảo vệ bổ sung cần thiết, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và/hoặc theo đánh giá của chuyên gia (tham khảo mục 8).

XỬ LÝ TRÀN DẦU :

- **Tràn ra đất:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Phục hồi bằng cách bơm hoặc thấm dầu phù hợp.
- **Tràn ra nước:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Dùng cần tang áp để hạn chế tràn ngay lập tức. Cảnh báo cho những tàu khác. Thông báo cho cảng hoặc cơ quan có liên quan và giữa khoảng cách xa với mọi người. Loại bỏ dầu khỏi bề mặt bằng cách vớt bọt hoặc bằng các chất hấp thụ thích hợp. Tìm hiểu ý kiến của chuyên gia trước khi sử dụng chất phân tán.

Sự cố tràn ra đất và nước được cảnh báo dựa trên những sự cố tràn tương tự dành cho nguyên liệu này. Tuy nhiên, các điều kiện tự nhiên như gió, nhiệt độ, sóng cũng sẽ là nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình xử lý. Vì lý do này, nên tham khảo các chuyên gia ứng phó sự cố để đưa ra giải pháp thích hợp.

THẬN TRỌNG VỚI MÔI TRƯỜNG:

- **Tràn với lượng nhỏ chất lỏng:** Thấm dầu bằng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy, cho vào thùng chứa và xử lý sau.
- **Tràn với lượng lớn chất lỏng:** Cách ly chất lỏng để xử lý. Không cho nguồn chất lỏng thấm vào nguồn nước hay tràn ra hệ thống cống, tầng ngầm hoặc các khu vực kín khí khác.

7. VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ

VẬN CHUYỂN : Rửa tay ngay sau khi vận chuyển. Sản phẩm này có chứa zinc dialkyl dithiophosphate (ZDDP). Chất này nhạy cảm với nhiệt độ, không được gia nhiệt vượt mức nhiệt độ cho phép.

LƯU TRỮ : Bảo quản theo đúng quy định và luật pháp và yêu cầu của nguyên vật liệu.

8. BẢO VỆ CÁ NHÂN/KIỂM SOÁT TÌNH TRẠNG NGUY HIỂM

GIỚI HẠN TIẾP XÚC:

	Sương dầu TLV/TWA	TLV/STEL
Sương dầu, dầu khoáng	5 mg/m ³ sương	10 mg/m ³ sương

KIỂM SOÁT CÔNG NGHỆ: Không có yêu cầu đặc biệt ở điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường.

BẢO VỆ CÁ NHÂN: Mặc đồ bảo hộ. Vật dụng bảo hộ cá nhân phải phù hợp với các tiêu chuẩn thích hợp, thuận tiện cho sử dụng, được cất giữ trong điều kiện tốt và bảo dưỡng đúng cách.

- **Bảo vệ mắt:** Nếu có khả năng tiếp xúc, nên sử dụng kính bảo hộ có tấm chắn bên.
- **Bảo vệ da và cơ thể:**

Bảo vệ da: Khuyến cáo mặc áo tay dài. Giặt sạch quần áo bị bẩn trước khi sử dụng lại.

Bảo vệ tay: Sử dụng gang tay cao su polyvinyl alcohol hoặc nitrile-butyl-.

- **Bảo vệ đường hô hấp:** Sử dụng ở khu vực thông gió. Khuyến nghị sử dụng mặt nạ phòng độc với hơi hữu cơ kết hợp cùng với hộp lọc hiệu quả cao chỉ khi vượt quá giới hạn phơi nhiễm. Sử dụng thiết bị thở độc lập để vào các khu vực hạn chế, thông gió kém và các vị trí làm sạch xử lý sự cố tràn.

- **Biện pháp vệ sinh đặc biệt:** Luôn luôn giám sát việc bảo vệ cá nhân ở tình trạng tốt chẳng hạn như rửa tay sau khi tiếp xúc với nguyên liệu, trước khi ăn, uống hoặc hút thuốc. Luôn giặt quần áo bảo hộ và các dụng cụ bảo hộ để khử tạp chất, chất bẩn. Thải bỏ các quần áo bị nhiễm bẩn và giày bảo hộ không thể giặt sạch được. Giữ cho kho, xưởng luôn sạch sẽ.

9. TÍNH CHẤT LÝ HÓA

TRẠNG THÁI VẬT LÝ:	Chất lỏng dầu
MÀU:	Max 3.5
MÙI :	Theo thị trường
NGUỒN MÙI :	N/D
PH:	N/A
ĐIỂM RÓT CHẢY/ĐIỂM ĐÓNG BĂNG:	N/D
ĐIỂM ĐÓNG:	Max -20°C (-4°F)
ĐIỂM/ KHOẢNG SÔI:	N/D
ĐIỂM CHỚP CHÁY (PHƯƠNG PHÁP) :	Min. 200°C (392°F) [ASTM D92]
TỐC ĐỘ HÓA HƠI:	< 0.01
TÍNH DỄ CHÁY:	N/D
GIỚI HẠN DỄ CHÁY (% thể tích trong không khí) :	N/D
ÁP LỰC HƠI:	N/D
MẬT ĐỘ HƠI (không khí =1):	Xấp xỉ 0.90 ở 15°C
TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (nước=1.0):	Không đáng kể
ĐỘ TAN TRONG NƯỚC :	N/D
HỆ SỐ PHÂN TÁCH (n-octanol/nước):	N/D
NHIỆT ĐỘ TỰ KÍCH CHÁY:	N/D
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY:	N/D

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG: Sản phẩm này được ghi nhận không gây ra bất kỳ phản ứng độc hại nào ở điều kiện thông thường.

ĐỘ ỔN ĐỊNH HÓA HỌC: Sản phẩm ổn định ở điều kiện thông thường.

KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG ĐỘC HẠI: Không xảy ra các phản ứng độc hại ở điều kiện thông thường.

ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH : Quá nhiệt, nguồn bắt lửa.

VẬT LIỆU KHÔNG TƯƠNG THÍCH: Tác nhân oxy hóa mạnh, nước.

SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY HẠI : Sản phẩm này không phân hủy ở nhiệt độ thường.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

ĐỘC CẤP TÍNH: Không có dữ liệu gây trên sản phẩm.

ĂN MÒN/ KÍCH ỨNG DA: Không có dữ liệu gây trên sản phẩm.

TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT: Không có dữ liệu gây trên sản phẩm.

MẮN CẢM VỚI DA/ HỆ HÔ HẤP: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG GÂY ĐỘT BIẾN TẾ BÀO: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG GÂY UNG THƯ: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

ĐỘC TÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH SẢN: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

ĐỘC TÍNH HỮU CƠ (PHÁT THẢI 1 LẦN): Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

ĐỘC TÍNH HỮU CƠ (PHÁT THẢI NHIỀU LẦN): Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

NGUY HẠI KHI HÍT PHẢI : Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

Thành phần:

Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis (sec-Bu and isooctyl) esters, muối Zn	Acute oral/rat LD ₅₀ : 2600mg/kg Acute dermal/rabbit LD ₅₀ > 3160mg/kg Acute inhalation/rat LC ₅₀ > 2mg/L, 1h Gây kích ứng da, chuột lang, 4h Gây tổn thương mắt, thỏ, 504h
Phức hợp kim loại chuỗi dài alkyl thio carbamide	Gây kích ứng da, 4h Có thể gây ra phản ứng dị ứng cho da

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG TỒN TẠI VÀ PHÂN HỦY: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

TÍNH LƯU ĐỘNG TRONG ĐẤT: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

13. LƯU Ý KHI THẢI BỎ

XỬ LÝ CHẤT THẢI: Không được xả thải vào nguồn nước, đất. Không được chôn lấp. Sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và tái chế bởi các công ty được cấp phép theo quy định. Chất lỏng/ vật chứa được thải bỏ tuân theo luật pháp, quy định và tính chất của vật liệu tại thời điểm thải bỏ.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG: Những thùng chứa rỗng có thể chứa hàm lượng cặn rất nguy hiểm. Không nên làm đầy hoặc vệ sinh containers khi chưa có qui trình hướng dẫn hợp lí. Những phuy rỗng nên bảo quản an toàn cho đến khi có phương pháp tu bổ hoặc thải bỏ hợp lí. Những thùng phuy chứa rỗng nên được thu hồi, tái sử

dụng hoặc thải bỏ tuân theo qui định hợp pháp của pháp luật. Không được làm tăng áp, cắt, hàn, hàn gia nhiệt, mài hay lấy những thùng chứa này để gần những ngọn lửa, nhiệt, vật dễ bắt lửa, tĩnh điện, hay những nguồn đánh lửa khác; chúng có thể gây nổ tung, gây bị thương hoặc dẫn đến tử vong.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

ĐƯỜNG BỘ (ADR): Không quy định.

ĐƯỜNG THỦY(IMDG) : Không quy định theo IMDG-Code.

ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG(IATA): Không quy định.

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Không nguy hiểm cho việc vận chuyển theo UN, ADR/RID, IMO và IATA/ICAO.
Tất cả các thành phần đều tuân thủ TSCA. Không bắt buộc phải dán nhãn EU.

16. THÔNG TIN KHÁC

Nội dung của các thông báo nguy hiểm trong Phần 3:

H304: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc xâm nhập vào đường thở.

H315: Gây kích ứng da.

H317: Có thể gây phản ứng dị ứng cho da.

H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H411: Gây độc cho thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

N/D = không xác định, N/A = Không áp dụng

Không có lưu ý đặc biệt nào khác cho sản phẩm này.

Thông tin trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành và chỉ liên quan đến các vấn đề được đề cập cụ thể trong tài liệu này. Mặc dù AP SAIGON PETRO JSC đã rất cẩn trọng trong việc chuẩn bị thông tin này, nhưng trong trường hợp không phát sinh bất cứ nội dung nào khác theo một hợp đồng cụ thể, không có sự trình bày, bảo hành (rõ ràng hay ngụ ý), hoặc đảm bảo phù hợp, độ chính xác, độ tin cậy hoặc tính đầy đủ của thông tin; không có gì trong tài liệu này sẽ làm giảm trách nhiệm của người dùng về việc thỏa mãn tính phù hợp, độ chính xác, độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin đó đối với việc sử dụng cụ thể; không có sự đảm bảo chống vi phạm sở hữu trí tuệ; và AP SAIGON PETRO JSC sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc thương tích nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin này không đúng gây nguy hiểm tính mạng hoặc thương tích do sơ suất cá nhân. Không có tuyên bố nào được hiểu là sự chứng thực của bất kỳ sản phẩm hoặc quy trình nào. Để chắc chắn hơn, trước khi sử dụng thông tin trong tài liệu này, đặc biệt nếu sản phẩm được sử dụng cho mục đích hoặc trong các điều kiện bất thường hoặc không thể lường trước một cách hợp lý, thông tin này phải được xem xét với nhà cung cấp thông tin đó.